TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 03/7/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và Ông Ngô Gia Khánh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983; ĐKHKTT: xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện trú tại: khóm 10, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Đào Văn T, sinh năm 1981; ĐKHKTT và trú tại: xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Vũ Thị H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Đào Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn S, huyện T một thời gian sau đó chuyển về quê anh T ở xóm 1, xã Y, huyện K, sinh sống. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2015.

Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, cờ bạc, rượu chè dẫn đến tình trạng vợ chồng phải nợ nần. Chị H và gia đình đã nhiều lần

khuyên giải và được bố mẹ đẻ của chị đã hai lần giúp đỡ cho chị và anh T đất bán đi để trả nợ; nhưng anh T vẫn không thay đổi mà còn chơi bời hơn. Sau đó chị được biết anh T vay tiền, không trả được nợ nên chị đã nhiều lần bị đe dọa. Để đảm bảo tính mạng cho bản thân và cho con cái, cũng như không thể chịu đựng được lối sống của anh T nữa nên đến năm 2015, chị đã bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở khóm 10, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau, ly thân với anh T; từ đó đến nay anh T cũng không suy nghĩ lại nên chị không thể quay về chung sống cùng anh T nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Đào Gia P, sinh ngày 20/02/2011, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Đào Văn T : Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và giao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cùng các văn bản tố tụng tiếp theo nhưng anh Tài không có mặt tại Tòa án để tham gia các giai đoạn tố tụng tiếp theo.

Tại biên bản sự việc ngày 19/4/2019 anh T xác định đã biết việc Tòa án huyện K thụ lý và đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Vũ Thị H. Anh đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng bận công việc nên anh không lên Tòa án để làm việc được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu của chị H như sau: anh nhất trí việc ly hôn với chị H nhưng về con chung anh không đồng ý việc chị H tiếp tục nuôi con chung. Anh yêu cầu được gặp chị H tại buổi hòa giải và tại buổi hòa giải chị H phải đưa cháu P đến để cháu P trình bày nguyện vọng một cách khách quan.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng là Đào Gia P, sinh ngày 20/02/2011 thuộc trường hợp được Tòa án lấy ý kiến theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu có nguyện vọng được ở với chị H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Nguyên đơn, và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Đào Văn T; giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Đào Gia P, sinh ngày 20/02/2011;anh T không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị H; chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Đào Văn T, cư trú tại xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Đào Văn T đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn chị Vũ Thị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Đào Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị H cho rằng vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn do anh T uống rượu chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh T còn vay tiền tiêu dùng cá nhân mà chị không được biết khiến chị H và con trai nhiều lần bị đe dọa. Về phía anh T, anh không xác định nguyên nhân cũng như mâu thuẫn của anh chị nhưng anh nhất trí yêu cầu ly hôn của chị H.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh T tại UBND xã Y là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã bỏ nhà đi, không còn chung sống với anh T nữa.

Như vậy, thực tế anh T có biết việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, nhưng không tìm cách hàn gắn, hòa giải với chị H có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung. Khi được hỏi ý kiến anh T nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị H.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H, anh T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị Vũ Thị H và anh Đào Văn T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Đào Gia P, sinh ngày 20/02/2011. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị. Về phía anh T, anh không nhất trí việc chị H nuôi con, anh yêu cầu được gặp con chung tại buổi hòa giải tại tòa án để trực tiếp biết được nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên, Tòa án đã có thông báo để chị H, anh T hòa giải tại Tòa án nhưng anh T vắng mặt, không tham gia buổi hòa giải và cũng không có ý kiến gì thêm về vấn đề con chung

Con chung của vợ chồng là Đào Gia P, sinh ngày 20/02/2011 thuộc trường hợp được Tòa án lấy ý kiến theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu có nguyện vọng được ở với chị H.

Để đảm bảo cuộc sống ổn định về sinh hoạt, học tập của con chung và tôn trọng nguyện vọng của cháu P thì đề xuất giao để chị H tiếp tục nuôi con chung là

phù hợp cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, thực tế, từ thời điểm ly thân, chị H một mình nuôi con và cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo. Vì vậy nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con của chị H.

[4] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H và anh Đào Văn T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Đào Văn T.

2/ Về quan hệ con chung: Giao chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Đào Gia P, sinh ngày 20/02/2011. Anh T không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2989 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thế Anh
(Đã ký)